

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ - ST

Ngày 24/8/2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông: Võ Thanh Minh
  2. Ông: Nguyễn Trúc Việt
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, về việc: “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm: 1968.

+ Bị đơn: **Đỗ Hoài N**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị L có mặt, anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:***

Chị và anh Đỗ Hoài N kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã và không quan tâm lẫn nhau. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để hòa hợp nhưng không có kết quả. Do, anh N tính tình gia trưởng, sống khắc khe với chị, có lần anh còn dùng vũ lực đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh N đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được vì tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Hoài D, sinh ngày 15/10/2002 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Anh Đỗ Hoài Nhân vắng mặt tại tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có lời trình bày như sau:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Anh thừa nhận là có nóng tính đánh chị L nhưng do chị L dùng lời lẽ không hay chửi mắng anh. Anh hứa sẽ sửa đổi để cùng chị L lo cho con. Chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị L, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung như chị L trình bày, con đã lớn để con quyết định sống với ai thì người đó nuôi. Anh sẽ luôn quan tâm chăm sóc con vì anh mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Đỗ Hoài Nhân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết đối với bị đơn là anh Đỗ Hoài Nhân, Tòa án tiến hành triệu tập tập hợp lệ đến lần thứ hai cho anh N để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hoài N tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2018. Nay, chị L xin ly hôn, anh N xin được đoàn tụ. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy cuộc sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa hợp được. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và tại tòa hôm nay anh N vắng mặt coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị L. Trong khi, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L. Xử cho chị L được ly hôn với anh N.

[2] Trong thời gian chung sống, chị L và anh N có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Hoài D, sinh ngày 15/10/2002 hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N cho rằng con đã lớn nên quyết định theo ai thì người đó nuôi, anh không ý kiến vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu D đang sống với chị L, chị L vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu D cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Đỗ Hoài N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hoài N được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Nguyễn Hoài D, sinh ngày 15/10/2002 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001141 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, bị đơn vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH).
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**